

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM TRONG KHU VỰC NÔNG THÔN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngô Xuân Hoàng

*Trưởng Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Huyện Phú Lương nằm ở phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên có tới 85% dân số sinh sống và làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và nông nghiệp nông thôn. Kinh tế phát triển chậm, tình trạng thất nghiệp còn nhiều. Vì vậy, vấn đề giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, đặc biệt là lao động ở nông thôn là rất cần thiết. Trong những năm qua huyện đã có nhiều chủ trương, chính sách giải quyết việc làm cho hàng nghìn người lao động. Hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng lên, chất lượng nguồn lao động bước đầu có tiến bộ, từng bước đáp được yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

Để giải quyết việc làm cho người lao động, trong thời gian tới huyện cần tập trung giải quyết các vấn đề về chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý và tăng diện tích gieo trồng; phát triển chăn nuôi; phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp; củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng; ổn định đất đai; tăng cường đầu tư vốn; tăng cường khoa học kỹ thuật; mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu lao động và đưa lao động ra địa bàn ngoài huyện.

**Từ khóa:** *Lao động, việc làm, nông thôn, Phú Lương*

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Phú Lương nằm ở phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên có tới 85% dân số sinh sống và làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và nông nghiệp nông thôn. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, cùng với việc ứng dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ngày càng nhiều và có hiệu quả, đã dẫn tới tình trạng giảm đi rõ rệt về nhu cầu sử dụng lao động. Thêm vào đó, nguồn lực đất đai hạn chế do nhu cầu phát triển đô thị và một số mục đích khác đã dẫn tới tình trạng dư thừa lao động trong nông thôn. Trong thời gian vừa qua, huyện Phú Lương đã có một số giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề việc làm nông thôn, tuy nhiên với tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa cao, vấn đề lao động việc làm cần được tiếp tục xem xét giải quyết, trong bài viết: "**Một số vấn đề về lao động và việc làm trong khu vực nông thôn huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên**" chúng tôi muốn đề cập tới vấn đề lao động việc làm và đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu

cầu việc làm của lao động nông thôn huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên trong những năm trước mắt và lâu dài.

### PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU NGHIÊN CỨU

**\* Phương pháp nghiên cứu:** Để tiến hành nghiên cứu chúng tôi đã chọn 3 xã được phân bố ở các vùng trong huyện. Chọn 240 hộ để điều tra thu thập số liệu. Trong quá trình thu thập số liệu chúng tôi đã sử dụng phương pháp chuyên gia, chuyên khảo, phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA... Số liệu được kiểm tra chính lý và khẳng định độ tin cậy sau đó được phân tổ và trình bày ở bảng thống kê, bảng tính toán EXCEL. Các phương pháp phân tích thống kê kinh tế và nhiều phương pháp phân tích khác đã dùng trong phân tích và dự báo.

**\* Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu:** Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các chỉ tiêu: Cơ cấu lao động theo trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn; Cơ cấu lao động theo ngành nghề; Số ngày lao động bình quân/lao động/năm; Thu nhập bình quân/hộ/năm; Thu nhập bình quân/lao động/năm; Thu nhập bình quân/lao động/ngày; Thu nhập bình quân/

\* Tel: 0912 140868

ngày lao động phân theo ngành nghề; Tỷ suất sử dụng thời gian lao động.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**Số lượng và chất lượng lao động nông thôn huyện Phú Lương**

*\* Số lượng nhân khẩu và lao động của huyện:*  
Lao động là một trong 3 yếu tố cùng với đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động là lực lượng, là yếu tố chủ yếu nhất trong quá trình sản xuất. Lao động là điều kiện cho xã hội tồn tại và phát triển. Để tìm hiểu tình hình lao động và nhân khẩu của huyện Phú Lương chúng ta qua bảng 1. Qua bảng số liệu cho thấy: lực lượng lao động tăng bình quân qua các năm là 1,26%, nhân khẩu ăn theo tăng 0,74%. Năm 2007, Huyện Phú Lương có 64.501 lao động chiếm 61,45%, đến năm 2009 đã lên tới 66.132 lao động và chiếm 61,69% trong tổng số nhân khẩu, như vậy lực lượng lao động những năm gần đây có xu hướng tăng nhẹ. Lực lượng lao động ở Phú Lương tương đối trẻ. Năm 2009, nhóm lực lượng lao động trẻ (từ 15-34 tuổi) có 40.946,69 người, chiếm 59,24% so với tổng số; nhóm lực lượng lao động trung niên có 16.692 người, chiếm 34,47% và nhóm lực lượng lao động cao tuổi có 32.870 người,

chiếm 6,29%. Nhóm lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ cao nhất 59,24%. Đây là thế mạnh của nguồn lao động huyện Phú Lương.

Năm 2009, dân số bình quân của huyện là 125.829 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 69.120 người. Hàng năm dân số huyện Phú Lương tăng thêm khoảng 9.000 người. Ngoài ra, còn phải kể đến số người ngoài tuổi lao động nhưng thực tế vẫn có việc làm cũng tăng lên (trong đó ngày càng có nhiều trẻ em) đã tạo thành một nguồn cung về lao động khá dồi dào. Dân số huyện Phú Lương chủ yếu là ở nông thôn, chiếm 65% so với tổng dân số của huyện. Năm 2009, lao động nông nghiệp chiếm tỷ trọng tương đối cao 85,71%, trong khi đó lao động trong ngành công nghiệp lại chiếm tỷ lệ quá thấp 11%.

*\*Chất lượng nguồn LĐ của huyện Phú Lương*

*Về mặt trình độ văn hóa:* Trình độ văn hóa là cơ sở rất quan trọng để nâng cao năng lực và kỹ năng làm việc của người lao động. Số người biết đọc, biết viết tăng dần. Số liệu trong bảng cho thấy: trong những năm qua, số người tốt nghiệp các cấp học phổ thông có xu hướng tăng trong những năm qua, số người tốt nghiệp các cấp học phổ thông có xu hướng tăng dần qua từng năm (bảng 2).

**Bảng 1.** Cơ cấu lao động và nhân khẩu của huyện Phú Lương

Năm	2007		2008		2009		Tốc độ tăng, giảm bình quân mỗi năm (%)
	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)	
Tổng số	104.965	100	106.257	100	107.200	100	1,06
Lao động	64.501	61,45	66.708	62,78	66.132	61,69	1,26
Nhân khẩu ăn theo	40.464	38,55	39.549	37,22	41.068	38,31	0,74

*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Lương[4.9]*

**Bảng 2.** Trình độ văn hóa của lao động huyện Phú Lương

Chỉ tiêu	Đơn vị: %		
	2007	2008	2009
1. Không biết chữ	4,46	3,80	3,10
2. Chưa tốt nghiệp Tiểu học	15,02	14,07	13,32
3. Đã tốt nghiệp Tiểu học	24,26	25,09	24,71
4. Đã tốt nghiệp THCS	44,51	44,92	44,46
5. Đã tốt nghiệp THPT	11,75	12,12	14,41
Tổng số:	100	100	100

*Nguồn: UBND huyện Phú Lương [9]*

năm 2007: 80,52%, năm 2008: 82,93% và năm 2009: 83,58%. Tỷ lệ lao động chưa biết chữ và chưa tốt nghiệp tiểu học ngày càng giảm xuống tương xứng. Xu hướng trình độ học vấn của người lao động ngày càng cao cho thấy khả năng học nghề, đào tạo nghề và nâng cao tay nghề của lực lượng lao động ở Huyện Phú Lương vào loại khá. Đây là một tiền đề quan trọng của sự phát triển nguồn nhân lực của huyện. Tuy nhiên, chúng ta thấy tỷ lệ người tốt nghiệp cấp THCS và THPT trong lực lượng lao động của huyện còn thấp chỉ khoảng 50%.

#### *Về trình độ chuyên môn kỹ thuật:*

Số người chưa được đào tạo nghề còn rất lớn chiếm 90% lực lượng lao động của huyện. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật chiếm tỷ lệ rất thấp: 11,77% (năm 2007) và qua các năm tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chuyển biến rất chậm, năm 2007 là 7,04%, năm 2008: 9,60%, năm 2009: 11,77%. Chất lượng lao động chuyên môn kỹ thuật của huyện còn nhiều bất cập. Lao động không đáp ứng được yêu cầu của công việc. Chưa được đào tạo đủ trình độ quy định, năng lực thích ứng với việc làm trong nền kinh tế chuyển đổi còn yếu. Tỷ lệ lao động chuyên môn kỹ thuật có trình độ cao thấp, cơ cấu bậc đào tạo mất cân đối với nhu cầu sử dụng.

Xét trong tổng số lao động chuyên môn kỹ thuật năm 2009 của huyện, cơ cấu như sau: sơ cấp chiếm 1,06%, công nhân kỹ thuật

(CNKT) không bằng: 2,99%, CNKT có bằng: 2,4%, trung học chuyên nghiệp (THCN): 2,71%, cao đẳng và đại học (CĐ-ĐH): 2,6% trên đại học: 0,01%. Như vậy, số lao động có chuyên môn kỹ thuật trình độ sơ cấp và không bằng cấp còn 4,05% trong tổng số lao động chuyên môn kỹ thuật. Trong khu vực công nghiệp và dịch vụ, tỷ lệ công nhân kỹ thuật còn thấp, chỉ có dưới 5% so với toàn bộ lực lượng lao động của huyện. Điều đáng lưu ý là trong đó hơn một nửa công nhân kỹ thuật tuy đã được đào tạo nhưng không có bằng. Rõ ràng, đào tạo nghề đang là vấn đề bức xúc đối với lực lượng lao động không chỉ ở nông thôn mà ở cả thành thị.

#### **Tình hình sử dụng lao động nông thôn huyện Phú Lương**

##### *a. Sử dụng lao động theo ngành nghề*

Là một huyện chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên số lao động trong nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế chung có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các ngành là do cơ cấu lao động cũng có xu hướng giảm. Tốc độ tăng bình quân của lao động qua các năm là 1,26%. tốc độ giảm lao động nông nghiệp bình quân qua các năm là 0,11%, nhưng tốc độ tăng bình quân qua các năm của lao động phi nông nghiệp lên tới 10,77% như vậy lực lượng lao động đã và đang có xu hướng chuyển dịch cơ cấu sang lĩnh vực sản xuất phi nông nghiệp.

**Bảng 3.** Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động huyện Phú Lương

Chỉ tiêu	Đơn vị: %		
	2007	2008	2009
1. Không có chuyên môn kỹ thuật	92,96	90,40	88,23
2. Trình độ sơ cấp	0,85	1,06	1,06
3. Công nhân kỹ thuật không bằng	1,03	2,21	2,99
4. Công nhân kỹ thuật có bằng	1,13	1,78	2,40
5. Trung học chuyên nghiệp	2,64	2,50	2,71
6. Cao đẳng và đại học	1,38	2,04	2,60
7. Trên đại học	0,01	0,01	0,01
<b>Tổng số:</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn: Phòng Lao động TBXH huyện Phú Lương [4.6]

**Bảng 4. Cơ cấu lao động trong ngành sản xuất của huyện Phú Lương**

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Tốc độ tăng, giảm bình quân mỗi năm (%)
	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)	
<b>Tổng số</b>	<b>64.501</b>	<b>100</b>	<b>66.708</b>	<b>100</b>	<b>66.132</b>	<b>100</b>	<b>1,26</b>
Lao động nông nghiệp	56.761	88,00	57.329	85,94	56.635	85,64	-0,11
Lao động phi nông nghiệp	7.740	12,00	9.379	14,06	9.497	14,36	10,77

Nguồn: [4.9]

\* *Ngành nông nghiệp*: Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp huyện Phú Lương đã dần đi vào ổn định và phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh. Sản xuất nông nghiệp ở nhiều địa phương trong huyện đã bắt đầu chuyển sang hướng sản xuất hàng hóa, mô hình kinh tế VAC, kinh tế trang trại phát triển hầu hết ở các địa phương. Xuất hiện nhiều gia đình có quy mô chăn nuôi lớn: hàng ngàn con gà, hàng chục con lợn theo phương pháp công nghiệp mang lại thu nhập cao. Chăn nuôi cá theo phương pháp thâm canh với các giống có năng suất cao, chất lượng tốt và chăn nuôi các con đặc sản đã dần dần thay thế thả cá theo kiểu quảng canh. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp ngày càng tăng, tỷ trọng ngành trồng trọt giảm tương ứng.

\* *Ngành công nghiệp*: Ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng. Đến cuối năm 2009 toàn huyện có 29 HTX, 32 doanh nghiệp tư nhân và 21 doanh nghiệp hỗn hợp. Ngành công nghiệp và xây dựng tạo ra được 356,2 tỷ đồng, sử dụng một lượng lao động là 2.596 người.

\* *Ngành dịch vụ*: Ngành dịch vụ tạo ra được 183.000 triệu đồng, thu hút số lao động tham

gia là 5.199 người. Hoạt động dịch vụ ở nông thôn trong những năm gần đây có bước phát triển mới, nhiều loại hình kinh doanh, dịch vụ như: cung ứng hàng tiêu dùng, vật tư, thu gom nông sản, sửa chữa công cụ, đồ dùng phục vụ sinh hoạt, xuất hiện phổ biến trong từng thôn xóm. Từ đó đã và đang hình thành các tụ điểm kinh tế, các thị tứ, thị trấn ở nông thôn góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện.

*b. Sử dụng lao động theo thành phần kinh tế*

*Đối với thành phần kinh tế Nhà nước*: quy mô nhỏ, trong những năm 2007-2009 lực lượng lao động làm việc trong khu vực này thấp chỉ chiếm khoảng 5%.

*Đối với thành phần kinh tế ngoài Nhà nước*: kinh tế hộ gia đình và ngoài quốc doanh giữ vai trò chủ yếu trong tạo việc làm mới (chiếm 95% chỗ làm việc mới được tạo ra hàng năm). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tuy vốn đầu tư cho công nghệ còn ít, đầu tư cho 1 chỗ làm việc còn thấp, nhưng đang thể hiện một tiềm năng và ưu thế trong tạo việc làm. Năm 2009, có 156 cơ sở sản xuất công nghiệp, thu hút 42.630 lao động; trong đó, có 1 DNNN thu hút 5.440 lao động, 7 HTX thu hút 2.431 lao động, 22 công ty TNHH và doanh nghiệp tư nhân thu hút 690 lao động, 10.309 hộ cá thể thu hút 32.620 lao động.

**Bảng 5. Việc làm chia theo thành phần kinh tế**

Chỉ tiêu	Đơn vị: người		
	2007	2008	2009
<b>Tổng lao động xã hội</b>	<b>67.926</b>	<b>68.605</b>	<b>69.120</b>
- Nhà nước	3.396	3.430	3.456
- Ngoài Nhà nước	64.530	65.175	65.664

Nguồn: UBND huyện Phú Lương [9]

### c. Sử dụng lao động theo khu vực

\* *Khu vực thành thị:* Phú Lương là một huyện nông nghiệp, phần lớn dân cư sống ở nông thôn. Số người sống ở thành thị chỉ có 17.344 người, chiếm 13,8%. Ngoài lực lượng lao động tại chỗ, hàng năm có một lực lượng lao động đáng kể từ các vùng nông thôn vào các khu công nghiệp, các đô thị tìm kiếm việc làm, đặc biệt từ khi chuyển đổi sang chế độ thị trường.

Vấn đề sử dụng nguồn lao động khu vực thành thị trong thời gian qua: Tỷ lệ lao động có việc làm thời kỳ 2007-2009 của khu vực thành thị là 93% (trong độ tuổi lao động). Tỷ lệ lao động không có việc làm trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị giảm từ 7% năm 2007 xuống 6% năm 2009. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã giảm liên tục từ 5,57% năm 2007 xuống 5,28% năm 2008 và 4,33% năm 2009.

\* *Khu vực nông thôn:* Hiện nay, dân cư nông thôn Huyện Phú Lương có 108.329 người chiếm 86,2% dân số cả huyện, lao động nông thôn có 44.928 người chiếm 65% lực lượng lao động huyện, trong đó lao động có chuyên môn kỹ thuật chỉ có 8,05%. Như vậy, lao động nông thôn đại bộ phận là lao động phổ thông, không có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

Về chất lượng nguồn lao động ở khu vực nông thôn: Lao động ở khu vực nông thôn đã qua đào tạo chỉ chiếm 8,05%, còn lại trên 90% chưa qua đào tạo. Lao động nông thôn qua đào tạo chiếm một tỷ lệ thấp, nhưng lại phân bố không đều. Các khu vực càng xa khu đô thị thì lực lượng lao động không qua đào tạo chiếm tỷ lệ càng cao.

Về phân bố và sử dụng nguồn lao động ở khu vực nông thôn: Trong nông thôn, cơ cấu lao động xã hội có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp; tuy nhiên ở mức độ còn chậm. Kết quả điều tra năm 2007 cho thấy, tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 65%, công nghiệp và xây dựng chiếm 14%, dịch vụ chiếm 12,4%.

### d. Kết quả sản xuất kinh doanh ngành trồng trọt và chăn nuôi của huyện

Số liệu cho thấy giá trị sản xuất ngành trồng trọt tăng bình quân là 22,53%, năm 2007 là 192.697 triệu đồng đến năm 2009 tăng lên

289.324 triệu đồng, trong đó giá trị sản xuất của trồng lúa năm 2007 là 82.325 triệu đồng đến năm 2009 tăng lên 123.532 triệu đồng, chiếm 26,88% của cây lương thực có hạt. Giá trị sản xuất cây lâu năm chiếm 19,48% của đất nông nghiệp trong đó giá trị sản xuất của cây chè chiếm 30,48%, năm 2007 là 45.936 triệu đồng đến năm 2009 lên tới 78.209 triệu đồng. Trong nhóm các cây lâu năm nhận thấy cây chè có hiệu quả kinh tế khá cao. Chăn nuôi của huyện tăng bình quân là 46,46% trong đó chăn nuôi gia súc năm 2007 là 53.185 triệu đồng, năm 2009 là 120.081 triệu đồng tốc độ tăng bình quân là 50,26%. Chăn nuôi gia cầm tăng bình quân là 40,40% và chỉ chiếm tỷ lệ 10,45% trong ngành chăn nuôi.

### Kết quả một số chương trình giải quyết việc làm cho lao động nông thôn huyện Phú Lương

#### *Chương trình dạy nghề ngắn hạn*

Được sự chỉ đạo của Sở Lao động TBXH và Ban chỉ đạo xuất khẩu lao động huyện trung tâm Dạy nghề, trung tâm Giới thiệu việc làm của huyện đã triển khai được một số chương trình như được trình bày trong bảng 6.

Số liệu qua các năm cho thấy về quy mô đào tạo và tư vấn việc làm của trung tâm ngày càng rộng hơn, cụ thể như, năm 2007 tư vấn việc làm cho 400 người, đến năm 2009 đã tư vấn lên tới 700 người. Đặc biệt về đào tạo nghề năm 2007 mới chỉ có 900 người nhưng đến năm 2009 đã lên tới 1.505 người, hơn nữa năm 2009 trung tâm đã kết hợp với trường ĐH NL Thái Nguyên mở lớp đào tạo về quản lý kinh tế hộ gia đình cho 194 cán bộ cấp xã và nông dân. Về xuất khẩu lao động 3 năm qua trung tâm đã tư vấn giới thiệu việc làm cho 212 lao động đi xuất khẩu lao động ở các nước: Đài Loan, Indonexia, Hàn Quốc... có mức lương bình quân khoảng 8 triệu đồng/tháng.

#### *Về tín dụng nông thôn*

Chương trình cho vay đối với hộ nghèo: Theo thống kê thì toàn huyện có 7.943 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 3,5% số hộ trên toàn huyện, để đẩy nhanh chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện, nghị quyết Đảng bộ, hội đồng nhân dân huyện Phú Lương đã đề ra mỗi năm phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống từ 2,5 đến 3%.

**Bảng 6.** Một số chương trình tư vấn và đào tạo của trung tâm Giới thiệu việc làm giai đoạn 2007–2009  
Đvt: Người

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Tư vấn việc làm	400	550	700
Giới thiệu việc làm trong nước	50	50	120
Xuất khẩu lao động	62	80	70
Giáo dục định hướng	66	130	140
Đào tạo nghề	900	1.245	1.505
Hội thảo tư vấn việc làm	200	660	557
Đào tạo quản lý kinh tế hộ gia đình	0	0	194

*Nguồn: Trung tâm Giới thiệu việc làm huyện Phú Lương [6]*

Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, được triển khai thực hiện trong năm 2007, NHCSXH huyện đã triển khai cho vay thí điểm 3 xã: Phú Đô, Túc Tranh, Động Đạt.

Chương trình tín dụng cho vay đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh, kinh doanh vùng khó khăn, được thực hiện với mức lãi suất thấp hơn ngân hàng thương mại, thủ tục đơn giản, đối tượng vay vốn rộng, mức vay vốn hộ sản xuất 30 triệu đồng trên hộ không phải làm thủ tục thế chấp tài sản, phương thức cho vay theo tổ lập trong thôn, bản, thông qua các tổ chức hội.

Thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo Đảng, nhà nước đã có chính sách cho vay vốn đối với hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, chương trình thể hiện sự quan tâm của Đảng, nhà nước, đối với đồng bào nghèo dân tộc thiểu số, được vay vốn để định canh định cư; ổn định cuộc sống từng bước phát triển kinh tế gia đình, vươn lên thoát khỏi nghèo đói cùng hòa nhập với cộng đồng.

Chương trình cho vay giải quyết việc làm: Đây là chương trình quốc gia nhằm mục đích giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong xã hội. Năm 2003 NHCS nhận bàn giao 2.997 triệu đồng nguồn vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm từ kho bạc huyện chuyển sang NHCS huyện quản lý, với 23 dự án. Sau 5 năm hoạt động NHCS huyện Phú Lương đã phối hợp với phòng Nội vụ huyện, các ngành chức năng, đoàn thể xã hội thẩm định giải quyết cho 116 dự án kết quả thực hiện. Doanh

số cho vay trong 5 năm là 9.250 triệu đồng, doanh số thu nợ trong 5 năm là 1.312 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2007 là 4.601 triệu đồng, bao gồm 116 dự án.

Công tác cho vay vốn giải quyết việc làm cho thanh niên: Thực hiện quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ "về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của quỹ quốc gia về việc làm", năm 2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phân bổ vốn vay 120 cho Tỉnh đoàn thanh niên với số vốn là 200 triệu đồng. Với số tiền trên, trong năm 2007 đã hỗ trợ được 03 dự án nhóm hộ và đã thu hút giải quyết việc làm ổn định cho 39 lao động.

### **Đánh giá chung về giải quyết việc làm ở huyện Phú Lương**

#### *a. Những kết quả đạt được*

+ Nhận thức, quan niệm của người lao động về việc làm đã được thay đổi cơ bản. Người lao động tự chủ trong việc tự tạo việc làm cho mình và cho người khác trong các thành phần kinh tế. Người sử dụng lao động được khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo mở việc làm. Mặt khác, chủ trương tạo việc làm cho người lao động cũng được thay đổi. Nhà nước tập trung ban hành cơ chế, chính sách, xây dựng hành lang pháp luật, tạo môi trường thuận lợi để mọi người tự tạo việc làm cho mình và cho xã hội.

+ Chương trình giải quyết việc làm được triển khai thực hiện có kết quả với sự quan tâm của các ngành, các cấp, sự hưởng ứng tích cực

của các tổ chức, đoàn thể và mọi tầng lớp dân cư. Kết quả là giảm tỷ lệ thất nghiệp từ 5,57% (năm 2007) xuống còn 4,33% (năm 2009).

+ Đã phát triển và đa dạng hóa các hình thức kinh doanh tạo nhiều việc làm mới cho lao động của huyện: kinh tế hộ gia đình, doanh nghiệp vừa và nhỏ, khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống...

+ Các Trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn huyện đã thực hiện tốt việc giới thiệu việc làm cho các thành phần kinh tế; tổ chức đào tạo nghề cho người lao động, giúp họ tự tạo việc làm và tìm kiếm việc làm.

+ Công tác giải quyết việc làm đã gắn với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Cơ cấu lao động và cơ cấu việc làm đã có chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Tỷ trọng trong nông nghiệp giảm dần, tỷ trọng trong công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có chiều hướng tăng lên rõ rệt.

+ Các hình thức đào tạo nghề đã được đổi mới và chất lượng nguồn lao động đã dần được nâng cao hơn.

+ Công tác đầu tư vốn tín dụng cho người nghèo, giúp các hộ nghèo ổn định và cải thiện đời sống, giải quyết thêm việc làm và việc làm mới cho người lao động.

#### *b. Những hạn chế và tồn tại:*

+ Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn cao 4,33% (năm 2009). Tình trạng thất nghiệp ở khu vực nông thôn tuy không lớn, nhưng tình trạng dư thừa lao động lại khá cao, hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn mới chỉ có 74,7% (năm 2009).

+ Cơ cấu lao động của huyện mất cân đối, thiếu lao động kỹ thuật, lao động đã qua đào tạo. Vì vậy, gây nên tình trạng vừa thừa lại vừa thiếu lao động. Số người không có việc làm ở Phú Lương hầu hết là lao động phổ thông, không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, do đó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế hiện nay của huyện.

+ Các cơ sở dạy nghề chưa thực sự được đầu tư đúng mức về chương trình, mục tiêu đào tạo, cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề. Do vậy, chất lượng đào tạo còn thấp, chưa đáp ứng được thị trường lao động. Công

tác đào tạo, dạy nghề chưa thật sự gắn với nhu cầu do thiếu thông tin thị trường lao động, Trung tâm chưa dạy những cái mà thị trường cần, cho nên thừa cả những lao động ngay sau khi đã được đào tạo.

+ Các trung tâm dịch vụ và giới thiệu việc làm chưa phát triển. Các hình thức tư vấn và giới thiệu việc làm chưa được mở rộng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên các trung tâm chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường lao động.

+ Còn thiếu những chính sách đủ mạnh để khuyến khích đầu tư, huy động mọi nguồn lực, phát triển các thị trường (nhất là thị trường lao động) để tăng trưởng kinh tế và tạo mở việc làm.

#### **Một số giải pháp chủ yếu giải quyết việc làm cho LĐ nông thôn huyện Phú Lương**

##### *Giải pháp về chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý và tăng diện tích gieo trồng*

Xã Vô Tranh và xã Động Đạt là 2 xã có nhiều đồi núi với độ dốc thoải, hơn nữa chất đất ở đây rất thích hợp với cây chè. Trong các loại cây trồng đã được phân tích ở phần thực trạng cho thấy giá trị sản xuất của cây chè là khá cao và sử dụng không nhiều công lao động. 1 sào trồng chè có thể đem lại giá trị sản xuất 3 triệu đồng/công lao động/năm trong đó các cây trồng khác không có được.

Vùng trồng lúa nước 2 xã Động Đạt và Yên Trạch có địa hình bằng phẳng nên sử dụng phương pháp luân canh, trồng xen canh gối vụ. Khuyến khích các hộ trồng rau sạch vì thị trường hiện nay rất khan hiếm nguồn rau sạch và củ, quả có giá trị dinh dưỡng cao.

Xã Yên Trạch là xã vùng cao có địa hình phức tạp, có nhiều núi cao thích hợp cho trồng rừng, vừa chống xói mòn vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao cụ thể như trồng cây Keo, Mỡ, Bạch đàn ... Vùng trồng lúa nước có quy mô manh mún nên dùng phương thức dồn điền đổi thửa để thuận lợi cho việc canh tác sẽ giảm thiểu được công lao động, chuyển lao động này sang công việc khác. Những vùng đất đồi thoải hơn nên trồng chè có năng suất cao như chè cảnh, chè Bát tiên ...

### *Giải pháp về phát triển chăn nuôi*

Cụ thể về chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa như nuôi gà sạch, đặc biệt là giống gà lai chọn hình thức nuôi như giống gà chuyên thống vừa nhanh lớn lại vừa có giá trị sử dụng cao. Nhu cầu của thị trường sử dụng sản phẩm hướng nạc và sản phẩm thịt lợn quay bằng lợn siêu nạc đang được thị trường ưa chuộng, do vậy phát triển mô hình nuôi lợn siêu nạc với quy mô lớn, tiếp cận học tập kinh nghiệm ở một số trang trại nuôi loại siêu nạc ở huyện Phổ Yên. Với địa hình và không gian rộng và có nhiều đồi núi để chăn thả như huyện Phú Lương nên mở những trang trại nuôi thả trâu bò để lấy thịt, bên cạnh đó mở những cơ sở chế biến thịt xô và thịt lợn cung cấp cho thị trường trong và ngoài huyện, sẽ thu hút được một số lao động dư thừa trong lao động nông thôn.

### *Giải pháp về phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp*

Phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, đa dạng hóa ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng của ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại là biện pháp cơ bản, lâu dài để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động nông thôn. Phát triển ngành nghề mây tre đan để tạo điều kiện cho những lao động có sự khéo léo và sức khỏe kém đặc biệt là lao động nữ không đủ điều kiện làm những việc nặng nhọc, những lao động này thường không có cơ hội để tìm được việc làm ngoài xã hội hoặc chỉ làm được những công việc có thu nhập thấp.

### *Giải pháp về củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng*

Củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng là giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động huyện Phú Lương. Những khó khăn về cơ sở hạ tầng như hiện nay đã cản trở rất lớn đến chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đến khả năng tự tạo việc làm và tìm kiếm việc làm của người lao động trong huyện. Muốn phát triển nghề trồng rừng cần phải làm mới, làm kiên cố những con đường để phương tiện vận tải vào được tận vùng khai thác.

### *Giải pháp về đất đai*

Hiện nay, đất canh tác của huyện vừa ít, vừa manh mún lại vừa chưa được sử dụng hợp lý. Vì vậy, huyện cần phải có chính sách khuyến khích người dân khai hoang phục hóa đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sản xuất. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiến hành dồn điền đổi thửa cho nhau để có diện tích canh tác trên mảnh lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển sản xuất hàng hóa. Những khu đất ở ven quốc lộ 3, ven các đường trục chính và khu trung tâm nên quy hoạch chuyển vào đất thổ cư để phát triển ngành nghề và dịch vụ. Cần có những chính sách về đất đai hợp lý như giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tiền thuê đất,... để khuyến khích các nhà đầu tư vào sản xuất trên địa bàn nhằm tạo ra nhiều việc làm cho lao động trong huyện.

### *Giải pháp về vốn*

Về phía nhà nước cần mở rộng hơn nữa các chương trình cho vay vốn đến tận tay người dân thông qua các tổ chức tín dụng, các ngân hàng, các tổ chức đoàn thể ở địa phương như hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên việc cho vay vốn phải xác định đúng đối tượng được vay, số lượng vốn vay phải đảm bảo cho người đi vay có đủ khả năng tái sản xuất mở rộng, các phương thức thu hồi vốn phải phù hợp với đặc điểm và chu kỳ của sản xuất nông nghiệp. Cùng với việc cho vay vốn thì cần làm tốt công tác khuyến nông, hướng dẫn và tư vấn cho người dân cách thức đầu tư và sử dụng vốn vay để việc đầu tư mang lại hiệu quả cao và phải giám sát việc sử dụng vốn vay thông qua các tổ chức đoàn thể ở địa phương. Tránh tình trạng sử dụng vốn vay không đúng mục đích và không có khả năng hoàn trả. Ngoài ra có thể cho người nông dân vay vốn bằng hiện vật thông qua hoạt động của hợp tác xã dịch vụ như các tư liệu sản xuất trong nông nghiệp. Về phía người lao động, trước hết phải biết huy động vốn từ nguồn vốn tự có của bản thân, của gia đình và quan trọng là xác định được kế hoạch sử dụng và phân bổ số vốn vay đó cho từng khâu của quá trình sản xuất sao cho hợp lý và đem lại hiệu quả đồng vốn cao nhất.



### *Giải pháp về khoa học kỹ thuật*

Đối với người lao động nông nghiệp cần tập trung nâng cao kỹ năng sản xuất của họ, từ khâu chọn giống, làm đất canh tác, chăm sóc và thu hoạch. Để thực hiện tốt điều này cần tăng cường công tác khuyến nông, cần trợ giúp cho họ khâu kỹ thuật trong quy trình sản xuất thử nghiệm, xây dựng mô hình điển hình để chuyển giao khoa học kỹ thuật có hiệu quả. Động viên và khuyến khích các hộ sản xuất giỏi tham gia vào công tác khuyến nông để việc chuyển giao khoa học kỹ thuật đạt kết quả cao và sẽ dễ thuyết phục hơn.

Đối với lao động có tham gia hoạt động ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, cần khuyến khích họ mở rộng quy mô đầu tư theo chiều sâu, lựa chọn áp dụng công nghệ phù hợp với một số khâu để có điều kiện nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó cần có biện pháp nhân rộng các hoạt động ngành nghề ra toàn huyện. Có chính sách thỏa đáng khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật về địa phương làm việc và công tác. Thông qua các tổ chức đoàn thể giới thiệu những ngành nghề mới phù hợp với địa phương để người dân áp dụng vào sản xuất nhằm giải quyết việc làm cho người lao động và tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

### *Giải pháp về thị trường*

Mở rộng thị trường tiêu thụ là giải pháp quan trọng trong phát triển kinh tế và tạo việc làm cho người lao động. Khi sản phẩm người lao động làm ra được tiêu thụ tốt thì mới kích thích được sản xuất hàng hóa, kích thích được đầu tư sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề và mới tạo ra được việc làm cho người lao động.

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức trung gian tiêu thụ sản phẩm do người lao động trong huyện sản xuất ra: Thành lập các hợp tác xã dịch vụ để cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho người dân; Huyện cần tạo điều kiện hỗ trợ huyện trong việc xây dựng mới chợ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc để sản phẩm do người dân trong huyện sản xuất ra được nhanh chóng chuyển đến người tiêu dùng; Đẩy mạnh công tác dự

báo, phổ biến rộng rãi thông tin thị trường, các thông tin về khoa học công nghệ để người dân nắm bắt kịp thời và có những quyết định đúng đắn trong sản xuất kinh doanh.

### *Giải pháp về đẩy mạnh xuất khẩu lao động và đưa lao động ra ngoài địa bàn làm việc*

Chính quyền địa phương cần hợp tác tốt với các cơ quan chức năng trong việc tư vấn, đào tạo, hỗ trợ để người lao động được tham gia xuất khẩu, đưa xuất khẩu lao động thành giải pháp hiệu quả trong công tác tạo việc làm cho người lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Bên cạnh công tác xuất khẩu lao động ra nước ngoài thì việc hợp tác với các công ty, các tổ chức trong nước để tìm và giải quyết việc làm cho người lao động địa phương cũng là một giải pháp tốt và có hiệu quả cao. Tuy làm việc ở trong nước không cao bằng tham gia xuất khẩu lao động nhưng tạo được việc làm cho nhiều lao động hơn và dễ thực hiện hơn. Đây còn là giải pháp tạo ra được sự chuyên dịch mạnh mẽ trong cơ cấu lao động, đem lại thu nhập cao và ổn định hơn so với sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, đây cũng là giải pháp mà các cấp chính quyền cần coi trọng và làm tốt để tạo thêm được nhiều việc làm cho lao động trong huyện.

### KẾT LUẬN

Phú Lương là một trong các huyện nghèo, kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, tài nguyên có hạn, tốc độ phát triển kinh tế chậm, tình trạng thất nghiệp còn nhiều. Vì vậy, vấn đề giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, đặc biệt là lao động ở nông thôn chiếm là lực lượng lao động là rất cần thiết.

Trong những năm qua huyện đã có nhiều chú trọng, chính sách để giải quyết việc làm cho người lao động, tạo ra việc làm cho hàng nghìn người lao động. Hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng lên, chất lượng nguồn lao động bước đầu có tiến bộ, từng bước đáp được yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

Để giải quyết việc làm cho người lao động trong huyện trong thời gian tới huyện cần tập trung giải quyết các vấn đề sau: chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý và tăng diện tích gieo

trồng; phát triển chăn nuôi; phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp; củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng; ổn định đất đai; tăng cường đầu tư vốn; tăng cường khoa học kỹ thuật; mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu lao động và đưa lao động ra địa bàn ngoài huyện.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2007). *Báo cáo kết quả điều tra lao động việc làm 1-7-2007*.

[2]. Hoàng Văn Lưu 2003, *Giải quyết việc làm ở nông thôn tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay*. Luận văn thạc sĩ - Đại học KTQD, Hà Nội.

[3]. Phan Sĩ Mẫn, *Giải quyết việc làm ở nông thôn trong giai đoạn hiện nay*, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 225 - 2/1997*.

[4]. Phòng thống kê huyện Phú Lương, *Niên giám thống kê huyện Phú Lương năm 2007 -2009*.

[5]. Vũ Văn Phúc (2005), "*Giải quyết việc làm và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực lao động nông thôn Việt Nam hiện nay*", *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*.

[6]. Trung tâm giới thiệu việc làm huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo cuối năm 2005, 2006, 2007*.

[7]. Nguyễn Quốc Tuấn, *Một số giải pháp tạo việc làm cho lao động nông thôn xã Thạch Xá - Thạch Thát - Hà Tây*, ĐHKT&QTKD

[8]. Tạ Đình Tứ (2007), *Thực trạng và một số giải pháp nhằm giải quyết việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động xã Lương Sơn -TP. Thái Nguyên*.

[9]. UBND huyện Phú Lương (2007): *Báo cáo thực hiện kế hoạch KT-XH năm 2007*.

### SUMMARY

### SOMME PROBLEMS ON LABORS AND WORKING IN RURAL ZONE OF PHU LUONG DICSTRIC, THAI NGUYEN PROVINCE

Ngo Xuan Hoang\*

College of Economics and Technology - TNU

Phu Luong district in the northern province of Thai Nguyen to 85% of the population living and working in the field of agriculture and rural agriculture. Slow economic development, more unemployment. So the issue of jobs, raise living standards for workers, especially workers in rural areas is essential.

In recent years many districts have policies to create jobs for thousands of workers. Score labor time used in rural areas increased, the quality of the workforce initial progress, gradually meeting the requirements of the job market within and outside the province.

To create jobs for workers, the district needs time to concentrate on solving the problem of restructuring and a reasonable increase crop sown area, livestock development, development of non agriculture and strengthen infrastructure construction, land stability, boost investment and enhance science and technology, expanding markets and boosting the export of labor and labor to areas outside the district.

**Key words:** *Labor, employment, rural, Phu Luong*

\* Tel: 0912 140868